

**ĐIỀU LỆ**

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam**

*(Kèm theo Quyết định số 3350 /QĐ-UBND ngày 22 /10/2019*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. “Vốn điều lệ” là mức vốn quy định riêng cho Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam và các Quỹ tài chính được Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam nhận ủy thác (sau đây gọi tắt là các Quỹ).

2. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thực cấp cho các Quỹ và được phản ánh riêng biệt trên sổ sách kế toán của các Quỹ để hoạt động theo quy định.

3. “Vốn hoạt động” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của các Quỹ tại một thời điểm.

4. “Người có liên quan” là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

5. “Đầu tư trực tiếp vào các dự án” là việc Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ) sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án; trong đó, Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

6. “Cho vay hợp vốn” là việc Quỹ và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.

7. Nhận ủy thác là việc Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam thực hiện quản lý hoạt động, nguồn vốn các Quỹ: Phát triển đất, Hỗ trợ ngư dân, Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ tài chính khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng ủy thác.

**Điều 2. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ**

1. Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam là một tổ chức tài chính nhà nước của địa phương, được thành lập, đổi tên và sắp xếp, kiện toàn tại các Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 26/5/2009 của UBND tỉnh, số 2571/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh, số 2977/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh, nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào dự án, doanh nghiệp phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam.

2. Vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam: 178.400.000.000 đồng (một trăm bảy mươi tám tỷ bốn trăm triệu đồng).

3. Vốn nhận ủy thác các Quỹ tài chính khác được ghi nhận tại Biên bản bàn giao theo văn bản ủy thác và được hạch toán riêng, không thuộc vốn hoạt động của Quỹ.

4. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam.

b) Tên viết tắt: QNIF.

c) Tên giao dịch quốc tế: Quang Nam Development Investment Fund

5. Địa chỉ trụ sở chính: 90 Phan Bội Châu, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

6. Điện thoại, fax:

a) Điện thoại: 0235.3814179.

b) Fax: 0235.3811825.

### **Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật**

1. Quỹ là một tổ chức tài chính nhà nước của địa phương, thực hiện chức năng đầu tư phát triển và đầu tư tài chính theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Con dấu giao dịch liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam và nhiệm vụ nhận ủy thác các Quỹ tài chính khác là con dấu Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam.

4. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

### **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động**

1. Quỹ hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

### **Điều 5. Tổ chức bộ máy**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm:

a) Hội đồng quản lý Quỹ, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;

b) Ban kiểm soát: Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên;

c) Bộ máy điều hành bao gồm: Ban Giám đốc (Giám đốc và các Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng, Ban nghiệp vụ.

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền được pháp luật quy định.

## **Điều 6. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

## **Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Quyết định việc thành lập Quỹ sau khi đề án thành lập Quỹ được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổ chức lại, giải thể Quỹ theo quy định.

3. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ, bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo phương án đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt; trình Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến chấp thuận danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

4. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hoặc phê duyệt Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Phê duyệt chiến lược hoạt động dài hạn, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ và các Quỹ nhận ủy thác.

7. Ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh để Quỹ đầu tư, cho vay; phê duyệt danh mục dự án ứng vốn hoặc chấp thuận dự án ứng vốn để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn nguồn Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này; quyết định hỗ trợ sinh kế từ nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ ngư dân theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều lệ này; ban hành Danh mục cụ thể các ngành, nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong từng thời kỳ để xem xét cấp bảo lãnh tín dụng từ nguồn Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

8. Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ trong từng thời kỳ theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 9 Điều lệ này.

9. Quyết định phê duyệt đầu tư đối với một dự án có mức đầu tư trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

10. Quyết định phê duyệt cho vay với một dự án có mức vốn cho vay trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ hoặc thời gian vay quá 15 năm; quyết định cho vay đối với một dự án đóng mới, cải hoán tàu có mức vay trên 20% vốn điều lệ của nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ ngư dân theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 11 Điều lệ này.

11. Quyết định phê duyệt góp vốn đối với một doanh nghiệp có mức góp vốn trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

12. Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn đối với các dự án nằm ngoài địa bàn tỉnh.

13. Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ.

14. Quyết định việc gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điểm m, Khoản 3, Điều 9 Điều lệ này; quyết định việc xóa nợ vay nguồn Quỹ Hỗ trợ ngư dân tại Điểm e, Khoản 2, Điều 11 Điều lệ này.

15. Quyết định số lượng và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và Ban Kiểm soát Quỹ.

16. Phê duyệt quy chế tuyển dụng của Quỹ theo thẩm quyền; Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

17. Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.

18. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ.

19. Chấp thuận mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành từ nguồn chênh lệch thu chi của Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

20. Chấp thuận báo cáo tài chính và quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ.

21. Quyết định ủy thác, chấm dứt việc ủy thác, mức phí nhận ủy thác khi thực hiện ủy thác cho Quỹ.

22. Các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Nghị định số 34/2018/NĐ-CP, Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg và quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 8. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Quỹ.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định cho vay, nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đối với các dự án mà Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay theo quy định tại Điểm d, đ, Khoản 3, Điều 9 Điều lệ này, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

4. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho Quỹ đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 13 Điều lệ này.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

## **Chương II**

### **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

#### **Điều 9. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ**

##### **1. Hoạt động huy động vốn**

a) Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư cho các dự án theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

- Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

- Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ không được huy động vốn ngắn hạn.

c) Giới hạn huy động vốn: Tổng mức vốn huy động theo các hình thức tối đa bằng 6 (sáu) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

d) Trường hợp huy động vốn cho ngân sách tỉnh được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh và không tính vào nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

##### **2. Hoạt động đầu tư trực tiếp**

a) Đối tượng đầu tư:

Quỹ được đầu tư trực tiếp vào các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Điều lệ này.

b) Điều kiện đầu tư:

- Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

c) Phương thức đầu tư:

- Quỹ có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

d) Hình thức đầu tư:

- Tùy từng điều kiện cụ thể, Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

+ Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư;

+ Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư hoặc chuyên nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

- Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

đ) Giới hạn đầu tư trực tiếp của Quỹ vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

e) Thẩm quyền quyết định đầu tư trực tiếp:

- Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

- Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

### **3. Hoạt động cho vay**

a) Đối tượng cho vay: Quỹ được cho vay các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Điều lệ này.

b) Điều kiện cho vay: Quỹ chỉ cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

- Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ;

- Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam;

- Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

c) Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm. Trường hợp đặc biệt có thời hạn cho vay trên 15 năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

- Hằng năm, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất nêu trên, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

- Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.

đ) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Điểm a Khoản này.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

e) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Điểm d Khoản này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

g) Giới hạn cho vay:

- Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

- Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

h) Thẩm quyền quyết định cho vay:

- Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ hoặc thời gian cho vay một dự án vượt quá 15 năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

i) Bảo đảm tiền vay: Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án đầu tư, Quỹ lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

- Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư.

- Cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án.

- Bảo lãnh của bên thứ ba.

- Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

k) Hợp vốn cho vay: Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

- Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh Quảng Nam thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

+ Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 9 Điều lệ này.

+ Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả tỉnh Quảng Nam.

+ Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận việc cho vay.

- Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng và tuân thủ đúng quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản này.

- Lãi suất cho vay hợp vốn do Quỹ tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại Điểm d Khoản này.

l) Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện theo quy định áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

m) Xử lý rủi ro thực hiện theo quy định sau:

- Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoan nợ;

- Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

+ Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;

+ Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

+ Được xem xét xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

- Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc xoá nợ lãi.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **4. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp**

a) Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Thẩm quyền quyết định góp vốn thành lập doanh nghiệp:



- Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

d) Cử người đại diện phần vốn góp của Quỹ:

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn.

- Người quyết định cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

## **5. Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác**

a) Nhận ủy thác:

- Quỹ được nhận ủy thác: Quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua văn bản ủy thác hoặc hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

- Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động và nguồn vốn của các Quỹ: Phát triển đất, Hỗ trợ ngư dân, Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quyết định của UBND tỉnh, được quy định cụ thể tại các Điều 10, 11, 12 Điều lệ này và các Quỹ tài chính khác theo văn bản của UBND tỉnh hoặc hợp đồng ủy thác.

- Quỹ được hưởng phí nhận ủy thác khi thực hiện hoạt động nhận ủy thác.

b) Ủy thác:

- Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ.

- Quỹ phải trả phí ủy thác khi thực hiện hoạt động ủy thác.

## **6. Hoạt động huy động vốn cho ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác.**

a) Quỹ tổ chức, thu xếp việc huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm cả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Quỹ thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhưng không trái với quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP, Nghị định 37/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.

### **Điều 10. Nhận ủy thác quản lý hoạt động và nguồn vốn Quỹ Phát triển đất tỉnh**

1. Tiếp nhận nguồn vốn bàn giao từ Quỹ Phát triển đất và nguồn vốn theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của

Chính phủ quy định chi tiết ban hành một số điều của Luật Đất đai và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, cụ thể như sau:

a) Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đầu tư xây dựng thực hiện khu dân cư, tái định cư theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phát triển các Khu, Cụm công nghiệp, các dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc lĩnh vực nhà ở thương mại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đầu tư xây dựng thực hiện dự án tạo quỹ đất dành cho các đối tượng là công nhân lao động làm việc tại các khu công nghiệp, người có thu nhập thấp phục vụ chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

đ) Ứng vốn từ nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ theo chủ trương của UBND tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ khác theo tính cần thiết, cấp bách của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thu hồi vốn đã ứng theo quy định; gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng, đình chỉ việc ứng vốn, thu hồi vốn ứng trước thời hạn khi phát hiện đơn vị ứng vốn sử dụng vốn ứng không đúng mục đích, vi phạm pháp luật trong việc sử dụng vốn ứng.

4. Thu phí ứng vốn, mức phí ứng vốn tối thiểu bằng mức phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh.

5. Quản lý nguồn vốn nhận ủy thác của Quỹ Phát triển đất theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất, các văn bản pháp luật có liên quan và do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

### **Điều 11. Nhận ủy thác quản lý hoạt động và nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ ngư dân tỉnh.**

1. Tiếp nhận nguồn vốn bàn giao từ Quỹ Hỗ trợ ngư dân và nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện việc cho vay tài chính phát triển năng lực tàu khai thác thủy sản hoạt động tại các vùng biển xa theo nguyên tắc bảo toàn vốn theo quy định tại Khoản 2 Điều này; nhận tài trợ, hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và huy động nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu chương trình, dự án với mục đích cải thiện sinh kế, phát triển cộng đồng dân cư ven biển theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Cho vay tài chính theo phương thức tín dụng ưu đãi (cho vay có hoàn lại vốn gốc với lãi suất bằng không) cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ, nhóm hộ, tổ đoàn kết của ngư dân (gọi tắt là Chủ tàu) trên địa bàn tỉnh để thực hiện việc

đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản đủ điều kiện hoạt động tại vùng biển xa, cụ thể như sau:

a) Mức cho vay:

- Cho vay đóng mới: Mức cho vay tùy từng trường hợp cụ thể nhưng không vượt quá mức tối đa theo chiều dài và công suất tàu như sau:

+ Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên và có công suất từ 250 CV đến dưới 400 CV: 01 tỷ đồng/tàu.

+ Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên và có công suất từ 400 CV trở lên: 1,5 tỷ đồng/tàu.

- Cho vay cải hoán, nâng cấp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản: Mức cho vay tài chính tùy từng trường hợp cụ thể nhưng tối đa bằng 1/3 (một phần ba) mức cho vay tài chính đóng mới.

- Cho vay sửa chữa tàu bị hư hỏng vì tai nạn, sự cố do yếu tố khách quan hoặc bị hư hỏng trong quá trình cứu nạn, mức tối đa theo chiều dài và công suất tàu như sau:

+ Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên và có công suất từ 250 CV đến dưới 400 CV: 200 triệu đồng/tàu.

+ Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên và có công suất từ 400 CV trở lên: 300 triệu đồng/tàu.

\* Ưu tiên xem xét các trường hợp Chủ tàu gặp tai nạn dẫn đến tàu bị chìm đắm không thể trục vớt được hoặc bị hư hỏng nặng, các Chủ tàu chuyển đổi nghề khai thác thủy sản từ ven bờ sang khai thác thủy sản tại vùng biển xa được vay để đóng mới, cải hoán tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên và có công suất từ 250 CV trở lên.

b) Thẩm quyền quyết định cho vay:

- Mức cho vay đối với một dự án đóng mới, cải hoán tàu trên 20% vốn điều lệ nguồn Quỹ Hỗ trợ ngư dân do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Mức cho vay đối với một dự án đóng mới, cải hoán tàu đến 20% vốn điều lệ nguồn Quỹ Hỗ trợ ngư dân do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Đảm bảo tiền vay: Thực hiện các hình thức đảm bảo tiền vay đối với từng dự án, bao gồm: cầm cố, thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các hình thức đảm bảo tiền vay khác theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vốn thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

d) Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay đối với một dự án là không quá 05 (năm) năm. Tùy từng dự án mà Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thời điểm bắt đầu thực hiện thu hồi vốn, nhưng tối đa không quá 02 (hai) năm kể từ ngày giải ngân khoản đầu tiên; việc thu hồi vốn thực hiện theo phân kỳ mùa vụ đánh bắt nguồn lợi thủy sản hoặc từng thời kỳ cụ thể theo kết quả thẩm định phương án sản xuất, khai thác thủy sản được duyệt.

đ) Phí quản lý cho vay: Mức thu phí quản lý cho vay hỗ trợ tài chính của các đối tượng vay vốn là 2%/năm/dư nợ vay.

e) Xử lý rủi ro cho vay:

- Trường hợp gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn cho vay hỗ trợ thì Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, xử lý rủi ro theo hình thức khoan nợ hoặc gia hạn nợ.

Thời hạn khoan nợ tối đa là 02 (hai) năm; thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 (một phần ba) thời hạn cho vay. Trong thời gian khoan nợ, gia hạn nợ, chủ tàu vay vốn Quỹ có trách nhiệm phải trả số tiền phí quản lý còn nợ (nếu có). Hết hạn khoan nợ, gia hạn nợ chủ tàu có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ đầy đủ số tiền vay gốc được khoan nợ, gia hạn nợ.

- Hết thời hạn khoan nợ, gia hạn nợ nếu chủ tàu vay vốn Quỹ có điều kiện trả nợ nhưng cố tình chây ì không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện ra toà án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật; Trường hợp chủ tàu vay vốn do yếu tố khách quan thực sự không còn khả năng trả nợ (có lý do chính đáng) thì Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý xóa nợ theo quy định.

- Xóa lãi phạt chậm trả nợ gốc: Do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

g) Hồ sơ, trình tự thủ tục, điều kiện vay vốn, thu hồi vốn được thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

3. Trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ sinh kế, cụ thể:

a) Hỗ trợ cho người bị thương, gia đình người chết là chủ tàu, người lao động làm việc trên tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản, tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên và có công suất từ 90 CV trở lên hoạt động ở vùng biển xa do sự cố thiên tai, bị đâm va, bị tàu nước ngoài tấn công, bắt giữ, đánh chìm, tham gia cứu nạn, cứu hộ.

b) Hỗ trợ tiền công lao động cho thuyền viên, thu nhập cho chủ tàu, chi phí tiêu hao nhiên liệu, chi phí sửa chữa tàu đối với tàu tham gia cứu nạn, cứu hộ.

c) Hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất đối với tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản, tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên và có công suất từ có công suất từ 90CV trở lên hoạt động ở vùng biển xa và thuyền viên trên tàu bị nạn do sự cố thiên tai gây hư hỏng, thiệt hại.

d) Hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất đối với tàu khai thác thủy sản và thuyền viên trên tàu bị nạn do bị tàu nước ngoài bắt giữ, đâm chìm.

đ) Mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ cụ thể cho từng trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này do Hội đồng quản lý Quỹ đề xuất, được quy định cụ thể tại Quy chế của Quỹ.

4. Quản lý, thu hồi, xử lý nợ vay, thu phí quản lý cho vay theo quy định.

5. Quản lý nguồn vốn nhận ủy thác của Quỹ Hỗ trợ ngư dân theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

## **Điều 12. Nhận ủy thác quản lý hoạt động và nguồn vốn Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.**

1. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn nhận bàn giao và nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp, vốn ủy thác từ các chương trình, dự án của các tổ chức, cá nhân, vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Phối hợp với các Ngân hàng Thương mại kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn và hoàn trả vốn vay của khách hàng.

3. Quản lý, thu phí hoạt động bảo lãnh cấp tín dụng theo quy định.

4. Quản lý nguồn vốn nhận ủy thác của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại điều lệ này.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, các văn bản pháp luật có liên quan và do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

## **Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ**

### **1. Trách nhiệm của Quỹ**

a) Thực hiện đầu tư trong phạm vi kế hoạch và cơ cấu đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

b) Quản lý, sử dụng vốn của Quỹ và nguồn vốn nhận ủy thác đúng mục đích, đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí, tự chịu rủi ro.

c) Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính; cung cấp số liệu, công bố công khai tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

e) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ và các Quỹ được ủy thác.

g) Đầu tư đúng quy định, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả; thu hồi kịp thời, đầy đủ cả nợ gốc và nợ lãi.

h) Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

i) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính về hoạt động của Quỹ và hoạt động nhận ủy thác.

k) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng và hoàn trả nguồn vốn ký quỹ, ký cược của các doanh nghiệp.

l) Xây dựng, ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến hoạt động nhận ủy thác.

n) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

## **2. Quyền hạn của Quỹ**

a) Được tổ chức hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Quỹ theo Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan.

b) Được quyền từ chối cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ trái với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

c) Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

d) Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ.

đ) Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác,... trên nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, theo đúng pháp luật Việt Nam; được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

e) Được quản lý, sử dụng vốn, tài sản được giao, vốn huy động, vốn nhận ủy thác để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Được lựa chọn các dự án có hiệu quả thuộc đối tượng cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 9 Điều lệ này để quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp thì phải cân đối đảm bảo các điều kiện theo quy định (bao gồm cả việc cấp bù chênh lệch lãi suất, cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định tại Điểm đ, Khoản 3, Điều 9 Điều lệ này) để đảm bảo nguyên tắc, nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

h) Được yêu cầu các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp.

i) Được trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai dự án.

k) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; định giá tài sản đảm bảo tiền vay.

l) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản đảm bảo tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay, đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

m) Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; thu hồi các khoản cho

vay, đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

n) Được quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, góp vốn nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

o) Được ban hành các quy chế, quy trình hoạt động, định mức kinh tế - kỹ thuật để làm căn cứ triển khai hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của Quỹ.

p) Được tuyển dụng, thuê mướn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động theo quy định của pháp luật; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng theo kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

q) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

r) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ trong trường hợp tổ chức, cá nhân vay vốn không trả được nợ đến hạn theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ**

### **Mục 1**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ**

#### **Điều 14. Hội đồng Quản lý Quỹ**

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12 Điều lệ này.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ: Căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ trong từng giai đoạn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải là số lẻ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý). Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ làm việc chuyên trách tại Quỹ. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ có thể hoạt động kiêm nhiệm, nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ nào khác tại Quỹ.

4. Thành phần Hội đồng quản lý Quỹ:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý: Giám đốc Quỹ (chuyên trách);

- Các thành viên khác của Hội đồng quản lý là đại diện lãnh đạo các Sở, Ngành liên quan theo quyết định của UBND tỉnh.

5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ để quyết định theo thẩm quyền.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2013/NĐ-CP; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dự án ứng vốn hoặc chấp thuận dự án ứng vốn để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn nguồn Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ sinh kế từ nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ ngư dân theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều lệ này; trình UBND tỉnh ban hành Danh mục cụ thể các ngành, nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong từng thời kỳ để xem xét cấp bảo lãnh tín dụng từ nguồn Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp và các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên khác của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

7. Trình UBND tỉnh quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điểm m Khoản 3, Điều 9 Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan; trình UBND tỉnh quyết định việc xoá nợ vay từ nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ ngư dân theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 11 Điều lệ này.

8. Trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi Quỹ; mức hoặc tỷ lệ trích



lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành.

9. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

10. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính dài hạn và hằng năm để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quỹ.

11. Xem xét, thông qua mức lãi suất cho vay tối thiểu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

12. Xem xét, quyết định đầu tư, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp đối với các dự án thuộc thẩm quyền; quyết định ứng vốn, đình chỉ ứng vốn, thu hồi vốn ứng, gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng, mức phí tạm ứng quá hạn nguồn vốn Quỹ Phát triển đất theo quy định các Khoản 2, 3 Điều 10 Điều lệ này; quyết định cho vay tài chính đối với một dự án đóng mới, cải hoán tàu có mức vay đến 20% vốn điều lệ nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ ngư dân theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 11 Điều lệ này; quyết định gia hạn nợ, khoan nợ vay, xóa lãi phạt chậm trả nợ gốc từ nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ ngư dân theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 11 Điều lệ này; quyết định bảo lãnh tín dụng từ nguồn vốn Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều lệ này.

13. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

14. Phê duyệt quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

15. Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý.

16. Ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế đầu tư trực tiếp; Quy chế cho vay; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế quản lý tài sản bảo đảm tiền vay; Quy chế giải ngân; các quy chế hoạt động nghiệp vụ liên quan đến nghiệp vụ nhận ủy thác và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

17. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.

18. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

19. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Nghị định số 34/2018/NĐ-CP, Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg, quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 16. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản lý:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị.

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

đ) Không có người liên quan giữ chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ tại Quỹ.

e) Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.

g) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án.

c) Vi phạm nghiêm trọng các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật.

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

e) Nghỉ hưu.

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

## **Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.**

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền.

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

## **Điều 18. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 (ba) tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

## **Mục 2** **BAN KIỂM SOÁT QUỸ**

### **Điều 19. Ban kiểm soát Quỹ**

1. Ban kiểm soát có chức năng giúp Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc Quỹ chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban kiểm soát có tối đa không quá 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng Ban chuyên trách do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phụ trách hoạt động của Ban kiểm soát. Các thành viên khác do Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản lý quyết định phù hợp quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

## **Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ**

### **1. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát**

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời yêu cầu Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý và bộ máy quản lý, điều hành Quỹ chấm dứt hành vi vi phạm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có giải pháp khắc phục hậu quả

b) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ.

c) Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không tham gia biểu quyết.

d) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

### **2. Ban kiểm soát có các quyền hạn sau đây:**

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ.

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Quỹ phối hợp với Ban kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

3. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ, quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định.

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

### **Điều 21. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này.

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

đ) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 03 (ba) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này.

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án.

c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật.

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

e) Nghỉ hưu.

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

### **Mục 3** **GIÁM ĐỐC QUỸ**

#### **Điều 22. Giám đốc Quỹ**

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hằng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các Nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ**

1. Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ theo đúng Điều lệ này, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý.

2. Trình Hội đồng quản lý ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

3. Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ.

4. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

5. Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

7. Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo cán bộ và quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Trưởng phòng, ban nghiệp vụ và tương đương trở xuống.

8. Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại các Điều 15, 17 Điều lệ này.

9. Ban hành theo thẩm quyền các quy định, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

10. Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

11. Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý thông qua để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

12. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

13. Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để làm căn cứ thực hiện.

14. Lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền hoặc để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

15. Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

16. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này.

#### **Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ**

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.



2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu 03 (ba) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ**

1. Giám đốc Quỹ là thành viên của Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng.

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật.

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác.

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ.

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án.

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

i) Nghỉ hưu.

k) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

## **Mục 4**

### **PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY NGHIỆP VỤ**

#### **Điều 26. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng**

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 27. Bộ máy nghiệp vụ**

1. Các phòng, ban nghiệp vụ của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Trưởng, Phó các phòng, ban nghiệp vụ thực hiện theo Điều lệ này và các quy chế liên quan của Quỹ.

3. Trưởng, Phó các phòng, ban nghiệp vụ và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 28. Tuyển dụng lao động.**

Việc tuyển dụng lao động, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo của Quỹ được thực hiện theo quy chế của Quỹ, phù hợp với quy định của tỉnh và quy định của pháp luật.

### **Chương IV CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

#### **Điều 29. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán**

1. Cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và chế độ kế toán của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định của pháp luật.

2. Cơ chế quản lý tài chính và hạch toán kế toán nguồn vốn nhận uỷ thác Quỹ Phát triển đất, Quỹ Hỗ trợ ngư dân và Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này, cụ thể:

a) Nguồn vốn nhận uỷ thác của từng Quỹ tài chính được theo dõi hạch toán riêng biệt trên tài khoản nhận uỷ thác, tách biệt với nguồn vốn hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển; Các khoản thu - chi phát sinh từ nguồn vốn nhận uỷ thác được hạch toán trên tài khoản phải thu, phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Quỹ Đầu tư phát triển; đồng thời mở sổ kế toán riêng theo dõi chi tiết nguồn vốn và thu - chi tài chính của từng nguồn nhận uỷ thác.

b) Các khoản thu phát sinh từ nguồn vốn nhận uỷ thác được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng nguồn nhận uỷ thác; nội dung chi gồm phí uỷ thác phải trả cho Quỹ Đầu tư phát triển và các khoản chi khác (nếu có). Chênh lệch thu chi của từng nguồn nhận uỷ thác, sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước thì được bổ sung vào vốn hoạt động của từng nguồn nhận uỷ thác, tuyệt đối không thực hiện phân phối trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác.

c) Báo cáo thu - chi của từng nguồn vốn nhận uỷ thác được lập riêng biệt cùng kỳ với báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển, phục vụ công tác báo cáo, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch nguồn vốn và sử dụng nguồn, kế hoạch thu - chi tài chính của từng nguồn vốn nhận uỷ thác, tổng hợp vào kế hoạch hoạt động của Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

3. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hàng năm, báo cáo tài chính của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm.

## **Chương V**

### **XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

#### **Điều 30. Xử lý tranh chấp**

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

#### **Điều 31. Tổ chức lại, giải thể Quỹ**

1. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ, đảm bảo đúng phương án tổ chức bộ máy quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**Chương VI**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 32. Hiệu lực thi hành**

1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành của Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nghiêm các quy định tại Điều lệ này.

2. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ (nếu cần)/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Đinh Văn Thu**